TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 386 /2024/DS-PT
Ngày: 23/7 /2024
V/v tranh chấp "Chia thừa kế; yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Võ Tấn Dũ**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp *"Chia thừa kế; yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 276/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1966. (Có mặt)

1.2. Bà Võ Thị Thu H1, sinh năm 1968. (Có mặt)

1.3. Bà Võ Thị H2, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Bà Võ Thị Ngọc H3, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Ngô H4, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Ngọc H5, sinh năm 1979. (xin vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1977. (vắng mặt)

3.3. Anh Võ Nguyễn Khánh H6, sinh năm 2001 . (vắng mặt)

3.4. Chị Võ Nguyễn Khánh N, sinh năm 2006. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Văn phòng C. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Tiền Giang**. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Trụ sở: C H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Văn K - Giám đốc, Phòng G, Trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

3.8. Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1999 . (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.**

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Võ Thị Thu H; Võ Thị Thu H1; Võ Thị H2 và Võ Thị Ngọc H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, Tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn** Võ Thị Thu H**,** Võ Thị H2**,** Võ Thị Thu H1**,** Võ Thị Ngọc H3**:**

Cha các nguyên đơn tên Võ Văn T1 (chết ngày 18/4/2017), mẹ tên Ngô Thị L (chết ngày 30/01/2019) có 06 người con gồm: Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Ngô H4, Võ Thị Ngọc H5 và Võ Thị Ngọc H3. Cụ T1 và cụ L có các tài sản sau (do ông bà để lại cho cụ T1):

Thửa đất thứ 1: Thửa đất số 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/1999 cho hộ Võ Văn T1.

Thửa đất thứ 2: Thửa đất số 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2 tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/1999 cho hộ Võ Văn T1.

Thửa đất thứ 3: Thửa đất số 1502, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 848m^2 ; thửa đất 1504, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 1.604m^2; thửa đất 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 3.248m^2 tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/1999 cho hộ Võ Văn T1.

Thửa đất thứ 4: Thửa đất số 604, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 4.936m^2 ; thửa đất 605, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.016m^2 tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/1999 cho hộ Võ Văn T1. Năm 2016, ông H4 đã làm thủ tục chuyển nhượng và sang tên thửa đất này, nay thành thửa 204 cho ông Võ Ngô Huỳnh đứng t quyền sử dụng đất.

Thửa đất thứ 5: Thửa đất số 1649, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 4.745m^2 tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/01/1999 cho hộ Võ Văn T1. Năm 2016, ông H4 đã làm thủ tục chuyển nhượng và sang tên thửa đất này, nay thành thửa 356 cho ông Võ Ngô Huỳnh đứng t quyền sử dụng đất.

Các cụ qua đời không để lại di chúc, lợi dụng các chị em không hiểu pháp luật ông H4 đã làm thủ tục đứng tên 02 thửa đất trên.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

1/ Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 21/11/2016 giữa cụ Võ Văn T1, Ngô Thị L cho ông Võ Ngô H4 do Văn phòng C công chứng đối với các Thửa đất số 604, diện tích 4.936m^2 ; thửa đất 605, diện tích 5.016m^2; Thửa đất số 1649, diện tích 4.745m^2 tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Ngô Huỳnh đối v các thửa đất nói trên.

3/ Xác định các thửa đất 1672 nay là thửa 379; thửa 1509 nay là thửa 321; thửa 1502, 1504, 1507 nay là thửa 307; thửa 204; thửa 356 là di sản thừa kế của cụ T1 và cụ L để lại. Chia thừa kế theo pháp luật, cụ thể như sau:

- Các thửa 1502, 1504, 1507 nay là thửa 307 sau khi trừ khoảng 900m^2 đất gồm nhà H 200m^2, nhà thờ hương hỏa 300m^2, 400m^2 phần mộ và đường đi ngang 5m từ cạnh nhà bà H ra khu mộ, giao cho ông H4 quản lý; đường đi ngang 02m từ tiếp đường đi 05m dài hết đất làm đường đi chung, còn lại chia đều cho H2, H, H1, H4, H3.

- Đối với thửa đất 1672 bà H3 yêu cầu nhận bằng hiện vật và thối lại giá trị đất và cây trồng cho ông H4 và các đồng thừa kế.

- Các thửa đất còn lại chia đều cho H2, H, H1, H4, H3.

Phần diện tích đất chia theo thực tế có chênh lệch giá trị không yêu cầu người được nhận nhiều hơn trả lại giá trị chệnh lệch.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông** Võ Ngô H4 **trình bày:**

Ông trình bày thống nhất với các nguyên đơn về hàng thừa kế của cụ T1 và cụ L.

Về di sản: Di sản của cha mẹ hiện còn các thửa đất 1672 nay là thửa 379; thửa 1509 nay là thửa 321; thửa 1502, 1504, 1507 nay là thửa 307. Các thửa đất trước khi cha mẹ chết do ông quản lý sử dụng để nuôi cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết ông tiếp tục canh tác. Các chị em khi lập gia đình không được cha mẹ cho đất, tuy nhiên cha mẹ có nói cho mỗi chị em 01 công ruộng nhưng các chị em không nhận. Ngoài phần đất bà H, bà H2 đang ở thì cây trồng còn lại do ông trồng.

Ngày 21/11/2016, cha mẹ có liên hệ Văn phòng C ký hợp đồng tặng cho ông 02 thửa đất 204 và 356 hoàn toàn hợp pháp, hợp đồng đã thực hiện xong.

Ông đã canh tác ổn định 02 thửa đất trên nên ông không đồng ý yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền quyền sử dụng đất và hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Đối với thửa 1502, 1504, 1507 nay là thửa 307 đồng ý sau khi trừ 900m^2 đất gồm nhà H 200m^2, nhà thờ hương hỏa 300m^2, 400m^2 phần mộ và đường đi ngang 5m từ cạnh nhà bà H ra khu mộ, đường đi ngang 02m từ tiếp đường đi 05m dài hết đất làm đường đi chung, còn lại chia đều cho H2, H, H1, H4, H3.

Đối với thửa đất 1672 ông H4 yêu cầu nhận bằng hiện vật và thối lại giá trị đất cho các đồng thừa kế còn lại.

Các thửa đất còn lại chia đều cho H2, H, H1, H4, H3.

Ông yêu cầu xem xét công sức đóng góp của ông trên các thửa đất.

Phần diện tích đất chia theo thực tế có cây trồng của ông trên đất, ông không yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả giá trị.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà** Nguyễn Thị Thanh B **trình bày:** Bà thống nhất với ý kiến của ông H4.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà** Võ Thị Ngọc H5 **trình bày:** Bà khước từ nhận di sản thừa kế là đất vườn, đất ruộng của cụ T1 và cụ L. Do hoàn cảnh gia đình đủ khả năng sinh sống.

Bản án sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 609, 610, 611, 612, 613, 616, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; điều 95, 97 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3.

1.1. Chia cho bà Võ Thị H2 phần đất diện tích 209,4m^2 là phần đất bà đang cất nhà thuộc thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2 , đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T15, T16 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024).

Chia cho bà Võ Thị H2 được chia phần đất diện tích 554,0m^2 (vị trí T3 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 , đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị H2 giá trị thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 12.523.200đồng.

1.2. Công nhận cho bà Võ Thị Thu H phần diện tích đất 202,8m^2 (vị trí T8, T9 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2, đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị Thu H phần đất diện tích 555,4 m^2 thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T4 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024).

Chia cho bà Võ Thị Thu H được chia phần đất diện tích 209,3m^2 (vị trí T18 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) thuộc thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2. Đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị Thu H giá trị thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 12.523.200đồng.

1.3. Chia cho bà Võ Thị Thu H1 phần đất diện tích 209,3m^2 thuộc thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2. Đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T19 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024).

Chia cho bà Võ Thị Thu H1 phần đất diện tích 553,2m^2 (vị trí T2 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2. Đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị Thu H1 giá trị thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 12.523.200đồng.

1.4. Chia cho bà Võ Thị Ngọc H3 phần đất diện tích 209,3m^2 thuộc thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2. Đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T20 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024).

Chia cho bà Võ Thị Ngọc H3 phần đất diện tích 553,2m^2 (vị trí T1 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2. Đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị Ngọc H3 giá trị thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 12.523.200đồng.

1.5. Chia cho ông Võ Ngô Huỳnh p đất diện tích 209,3m^2 thuộc thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2. Đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T21, T22 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024).

Chia cho ông Võ Ngô Huỳnh p đất diện tích 1300,6m^2 (vị trí T13, T14 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2, đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao cho ông Võ Ngô Huỳnh t1 đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 , đo đạc thực tế 521,8m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 27/9/2023.

Ông Võ Ngô Huỳnh t2 trả giá trị đất thửa 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3 mỗi người là 12.523.200đồng.

1.6. Ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự giao cho ông H4 quản lý phần đất diện tích 400m^2(vị trí T6, T7 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) làm lối đi và khu mộ của gia đình cụ T1 thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.7. Ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự giao cho các bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H5 quản lý phần đất diện tích 139,5m^2(vị trí T-5a đến T-5d) trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) làm lối đi chung thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

1.8. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Ngô H4, bà Nguyễn Thị Thanh B không yêu cầu các bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H5 trả lại giá trị cây trồng trên phần đất được chia.

1.9. Bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3, ông Võ Ngô H4 được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất được chia, được công nhận trên các thửa đất thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m2; thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2; Thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ cụ Võ Văn T1 theo như phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 27/9/2023 và 17/01/2024.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3 yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và giấy chứng chứng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, 356 cấp cho ông Võ Ngô Huỳnh .

3. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14 2023/QĐ-BPKCTT ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 04/3/2024 và ngày 08/4/2024 các nguyên đơn Võ Thị Thu H, sinh năm 1966; Võ Thị Thu H1, sinh năm 1968; Võ Thị H2, sinh năm 1963 và Võ Thị Ngọc H3, sinh năm 1986 có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn V/v hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T1, cụ Ngô Thị L cho ông Võ Ngô H4 và giấy chứng chứng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, 356 cấp cho ông Võ Ngô Huỳnh ;

- Xem xét lại giá trị kỷ phần các nguyên đơn được chia để tính án phí, vì cấp sơ thẩm tính giá trị quyền sử dụng đất ở vị trí mặt hậu bằng giá đất mặt tiền là không phù hợp dẫn đến các nguyên đơn phải chịu án phí quá cao.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý bản án DSST về việc chia kỷ phần, vị trí, giá trị tài sản thừa kế đối với các thửa đất 1672 nay là thửa 379; thửa 1509 nay là thửa 321; thửa 1502, 1504, 1507 nay là thửa 307. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn V/v hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T1, cụ Ngô Thị L cho ông Võ Ngô H4 và giấy chứng chứng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, 356 cấp cho ông Võ Ngô H4; Giảm án phí DSST theo tỷ lệ mức giá chứng thư thẩm định giá đã định.

- Bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn V/v hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T1, cụ Ngô Thị L cho ông Võ Ngô H4 và giấy chứng chứng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, 356 cấp cho ông Võ Ngô H4; Về phần án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án DSST xác định di sản thừa kế của cụ T1 và cụ L, chia kỷ phần, vị trí, giá trị tài sản thừa kế đối với các thửa đất 1672 nay là thửa 379; thửa 1509 nay là thửa 321; thửa 1502, 1504, 1507 nay là thửa 307; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn V/v hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T1, cụ Ngô Thị L cho ông Võ Ngô H4 và giấy chứng chứng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, 356 cấp cho ông Võ Ngô Huỳnh l có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Đối với giá trị tài sản kỷ phần các nguyên đơn được chia, theo chứng thư thẩm định giá đã giảm nên án phí các nguyên đơn phải chịu sẽ thay đổi. Đề nghị HĐXX, chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn, sửa một phần bản án DSST về án phí.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: "*Chia thừa kế; yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" là phù hợp quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Xét kháng cáo của các nguyên đơn V/v yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T1, cụ Ngô Thị L cho ông Võ Ngô H4 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, 356 cấp cho ông Võ Ngô Huỳnh . Xét thấy:

Xét các nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận 02 thửa đất 204 và 356 có nguồn gốc của ông bà để lại cho cụ T1 và cụ L, các con sinh ra đã có các thửa đất và không có công sức tạo lập; không đóng góp công sức cải tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất, cụ T1 là người đăng ký kê khai, làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thành viên hộ gia đình không ai tham gia. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, xác định 02 thửa đất số 204 và thửa số 356 là tài sản chung của cụ T1 và cụ L là có căn cứ. Do vậy hai cụ là người có quyền sử dụng đất và định đoạt thửa đất.

Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 21/11/2016 giữa cụ Võ Văn T1, cụ Ngô Thị L cho ông Võ Ngô Huỳnh đ đối với thửa đất 204 diện tích 9.824,9m^2 và thửa 356 diện tích 4.763m^2. Xét thấy, hai bên xác lập hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự; hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng phù hợp quy định pháp luật; Người sử dụng đất có đủ điều kiện tặng cho quyền sử dụng đất; việc tặng cho đã được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai đúng quy định; ông H4 đã nhận quyền sử dụng đất và được sang tên cho ông Võ Ngô Huỳnh t3 ngày 13/01/2017. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự và Điều 188 Luật Đất đai, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã có hiệu lực pháp luật.

Xét các nguyên đơn không đồng ý hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho rằng cụ T1 và cụ L tặng cho đất cho ông H4 không thông qua ý kiến các con, 02 cụ không còn minh mẫn. Tuy nhiên, các nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh hai cụ bị mất năng lực hành vi dân sự, không có kết luật của cơ quan giám định pháp y tâm thần theo qui định pháp luật dân sự việc 02 cụ bị mất năng lực hành vi dân sự; Khi ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được thực hiện

đúng trình tự pháp luật, có người làm chứng đọc lại hợp đồng cho 02 cụ nghe. Đồng thời, năm 2017 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho 02 thửa đất nêu trên, thời điểm đó cụ T1 và cụ L vẫn còn sống nhưng 02 cụ không phản đối việc mình đã ký tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H4. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T1, cụ Ngô Thị L cho ông Võ Ngô H4 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, 356 cấp cho ông Võ Ngô Huỳnh l đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của các nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 204, tờ bản đồ 19 và thửa 356, tờ bản đồ 19 là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo yêu cầu xem xét lại giá trị kỷ phần các nguyên đơn được chia để tính án phí theo giá thị trường hiện nay. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 15/9/2023, của Hội đồng định giá xác định giá trị quyền sử dụng các thửa đất số 307 và thửa 321 tờ bản đồ 19 theo giá thị trường tại địa phương 4.600.000đồng/m^2 để làm căn cứ tính giá trị kỷ phần chia thừa kế cho các đương sự là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn cho rằng giá đất tại vị trí các nguyên đơn được chia 4.600.000đồng/m^2 là không phù hợp. Xét chứng thư thẩm định giá ngày 17/7/2024, xác định giá đất vị trí các nguyên đơn được chia đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 1509 giá 3.210.000 đồng/m^2 ; đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 1507, 1502, 1504 giá 1.445.000đồng. Do vậy, kỷ phần các nguyên đơn được chia giá trị như sau:

- Bà Võ Thị H2 được chia kỷ phần tổng giá trị là 1.485.227.000đồng;

- Bà Võ Thị Thu H được chia kỷ phần tổng giá trị là 1.487.498.000đồng;

- Bà Võ Thị Thu H1 được chia kỷ phần tổng giá trị là 1.484.897.000đồng;

- Bà Võ Thị Ngọc H3 được chia kỷ phần tổng giá trị là 1.484.897.000đồng;

Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm, giá trị kỷ phần thừa kế các nguyên đơn được chia giảm nên án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu thay đổi theo giá trị kỷ phần được chia.

Xét bà Võ Thị H2 sinh năm 1963, thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định Điều 2 Luật người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, chấp nhận miễn án phí DSST và án phí DSPT cho bà Võ Thị H2.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn về việc xem xét án phí là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn. HĐXX sửa một phần bản án DSST (về án phí).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do sửa án DSST nên người kháng cáo không phải chịu án phí DSPT.

[6] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Võ Thị Thu H; Võ Thị Thu H1; Võ Thị H2 và Võ Thị Ngọc H3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè (phần án phí).

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 609, 610, 611, 612, 613, 616, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; điều 95, 97 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H2**,** Võ Thị Thu H**,** Võ Thị Thu H1**,** Võ Thị Ngọc H3**.**

1.1. Chia cho bà Võ Thị H2 phần đất diện tích 209,4m^2 là phần đất bà đang cất nhà thuộc một phần thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2 , đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T15, T16 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo).

Chia cho bà Võ Thị H2 được chia phần đất diện tích 554,0m^2 (vị trí T3 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo) thuộc một phần thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 , đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị H2 giá trị thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 12.523.200đồng.

1.2. Công nhận cho bà Võ Thị Thu H phần diện tích đất 202,8m^2 (vị trí T8, T9 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo) thuộc một phần thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2, đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị Thu H phần đất diện tích 555,4 m^2 thuộc một phần thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T4 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo).

Chia cho bà Võ Thị Thu H được chia phần đất diện tích 209,3m^2 (vị trí T18 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo) thuộc một phần thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2. Đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị Thu H giá trị thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 12.523.200đồng.

1.3. Chia cho bà Võ Thị Thu H1 phần đất diện tích 209,3m^2 thuộc một phần thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2. Đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T19 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo).

Chia cho bà Võ Thị Thu H1 phần đất diện tích 553,2m^2 (vị trí T2 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo) thuộc một phần thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2. Đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị Thu H1 giá trị thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 12.523.200đồng.

1.4. Chia cho bà Võ Thị Ngọc H3 phần đất diện tích 209,3m^2 thuộc một phần thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2. Đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T20 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo).

Chia cho bà Võ Thị Ngọc H3 phần đất diện tích 553,2m^2 (vị trí T1 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo) thuộc một phần thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2. Đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho bà Võ Thị Ngọc H3 giá trị thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là 12.523.200đồng.

1.5. Chia cho ông Võ Ngô Huỳnh p đất diện tích 209,3m^2 thuộc một phần thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2. Đo đạc thực tế 1.046,7m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vị trí T21, T22 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo).

Chia cho ông Võ Ngô Huỳnh p đất diện tích 1300,6m^2 (vị trí T13, T14 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024 kèm theo) thuộc một phần thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2, đo đạc thực tế 4.558,9m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao cho ông Võ Ngô Huỳnh t1 đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 , đo đạc thực tế 521,8m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 27/9/2023 kèm theo.

Ông Võ Ngô Huỳnh hoàn t4 giá trị đất thửa 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3 mỗi người là 12.523.200đồng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.6. Ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự giao cho ông H4 quản lý phần đất diện tích 400m^2(vị trí T6, T7 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) làm lối đi và khu mộ của gia đình cụ T1; Giao 300,2m^2 cùng căn nhà (vị trí T10, T11, T12 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) là nhà thờ , thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.7. Ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự giao cho các bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3 quản lý phần đất diện tích 139,5m^2(vị trí T-5a đến T-5d) trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/01/2024) làm lối đi chung thuộc thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

1.8. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Ngô H4, bà Nguyễn Thị Thanh B không yêu cầu các bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3 trả lại giá trị cây trồng trên phần đất được chia.

1.9. Bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3, ông Võ Ngô H4 được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với phần đất được chia, được công nhận trên các thửa đất thửa đất 1672, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 696m2; thửa đất 1509, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 585m^2; Thửa 1502, 1504, 1507, tờ bản đồ HMPC3, diện tích 5.700m^2 tại ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ cụ Võ Văn T1 theo quyết định bản án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3 về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 21/11/2016 giữa cụ Võ Văn T1, cụ Ngô Thị L cho ông Võ Ngô Huỳnh đối v thửa đất số 204, thửa số 356 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Ngô Huỳnh .

3. Về án phí:

3.1. Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Võ Thị H2. H7 lại cho bà Võ Thị Hằng s tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010895, ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3.2. Bà Võ Thị Thu H phải chịu 56.624.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu số 0010894, ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, bà Võ Thị Thu H phải nộp tiếp 49.124.000 đồng.

3.3. Bà Võ Thị Thu H1 phải chịu 56.546.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Thu H1 đã nộp theo biên lai thu số 0010893, ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, bà Võ Thị Thu H1 phải nộp tiếp 49.046.000đồng.

3.4. Bà Võ Thị Ngọc H3 phải chịu phải chịu 56.546.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị

Ngọc H3 đã nộp theo biên lai thu số 0010892, ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, bà Võ Thị Ngọc H3 phải nộp tiếp 49.046.000đồng.

3.5. Ông Võ Ngô Huỳnh p1 chịu 57.479.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.6. Bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

H7 lại bà Võ Thị Thu H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015038, ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

H7 lại bà Võ Thị Thu H1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015037, ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

H7 lại bà Võ Thị Ngọc H3 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015036, ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

4. Chi phí tố tụng: Các nguyên đơn đã nộp tổng chi phí tố tụng là 26.100.000 đồng. Ông Võ Ngô Huỳnh p1 trả lại các nguyên đơn bà Võ Thị H2, Võ Thị Thu H, Võ Thị Thu H1, Võ Thị Ngọc H3 số tiền 5.220.000 đồng chi phí tố tụng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhàn